

NGHỊ QUYẾT

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu gồm chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020:

2.1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

| TT | Biện pháp công trình | Giá tối đa | Đơn vị tính |
|----|---|------------|----------------|
| 1 | Tưới tiêu bằng động lực | 1.055.000 | đồng / ha / vụ |
| 2 | Tưới tiêu bằng trọng lực | 732.000 | đồng / ha / vụ |
| 3 | Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ | 824.000 | đồng / ha / vụ |

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa bằng 60% mức giá tại biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa bằng 40% mức giá tại biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa bằng 50% mức giá tại biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá tối đa cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại biểu trên.

2.2. Mức giá đối với diện tích trồng rau, màu được tính bằng 40% mức giá tối đa đối với đất trồng lúa.

2.3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây ăn quả được tính như sau:

a) Cấp nước cho chăn nuôi:

- Cấp nước bằng bơm: 1.320 đồng / m³.

- Cấp nước kênh cống: 900 đồng / m³.

b) Cấp nước để nuôi trồng thủy sản: 250 đồng / m² mặt thoáng / năm.

c) Cấp nước tưới các cây ăn quả:

- Cấp nước bằng bơm: 1.020 đồng / m³.

- Cấp nước bằng kênh cống: 840 đồng / m³.

d) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định đối với cấp nước nêu trên.

đ) Trường hợp cấp nước tưới cho cây ăn quả, nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

2.4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa / vụ.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu (NH). *lll*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiệu